

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86/2018/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ
công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 7

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 45/2012/NĐ-CP, ngày 21 tháng
5 năm 2012 về khuyến công; số 111/2015/NĐ-CP, ngày 03 tháng 11 năm 2015
về phát triển công nghiệp hỗ trợ; số 68/2017/NĐ-CP, ngày 25 tháng 5 năm 2017
về quản lý phát triển cụm công nghiệp; số 38/2018/NĐ-CP, ngày 11 tháng 3
năm 2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp
sáng tạo; số 39/2018/NĐ-CP, ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết một
số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; số 63/2018/NĐ-CP, ngày 04
tháng 5 năm 2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; số 82/2018/NĐ-CP,
ngày 22 tháng 5 năm 2018 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 28/2018/TT-BTC, ngày 28
tháng 3 năm 2018 hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; số
29/2018/TT-BTC, ngày 28 tháng 3 năm 2018 hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng
kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 236/TTr-UBND, ngày 09 tháng 7 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định một số chính sách phát triển
công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm
tiếp theo; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bao gồm: Hỗ trợ phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ và khuyến công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đầu tư phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ và khuyến công;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức, cá nhân khác liên quan tới quản lý, hoạt động khu công nghiệp, cụm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ và khuyến công.

Điều 2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, các tổ chức cá nhân đủ điều kiện được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì được lựa chọn áp dụng một mức ưu đãi, hỗ trợ cao nhất.

2. Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng vốn ngân sách đúng mục đích, đúng chế độ và phải phát huy hiệu quả bền vững, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện việc đầu tư và thanh toán, quyết toán vốn đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động

1. Ngân sách trung ương: Lồng ghép từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án phát triển của Chính phủ và các bộ, ngành.

2. Ngân sách tỉnh: Giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2020 ưu tiên bố trí không dưới 1% tổng nguồn thu ngân sách để đảm bảo thực hiện chính sách. Giai đoạn sau năm 2020, tập trung ưu tiên bố trí đủ nguồn lực để thực hiện chính sách về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

3. Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Điều kiện để được hưởng chính sách phát triển khu, cụm công nghiệp

1. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp đề nghị hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật phải nằm trong quy hoạch phát triển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ưu tiên hỗ trợ khu, cụm công nghiệp do doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp.

3. Ưu tiên hỗ trợ khu, cụm công nghiệp có tác động lớn đến việc thu hút đầu tư, phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh, phát huy lợi thế của địa phương, giải quyết việc làm cho nhiều lao động; phục vụ di dời các cơ sở trong làng nghề hoặc các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nằm xen kẽ trong khu dân cư.

4. Các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp phải triển khai thực hiện dự án, đi vào sản xuất, kinh doanh mới đề nghị hỗ trợ; ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư các lĩnh vực thuộc danh mục tỉnh thu hút đầu tư.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn lực, ngân sách được phân bổ để xây dựng tiêu chí, danh mục các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ưu tiên hỗ trợ đầu tư đảm bảo điều kiện thực tế địa phương.

Điều 5. Ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất theo quy định tại Luật đầu tư, Luật đất đai và các Nghị định, Thông tư, văn bản pháp luật có liên quan.

2. Hỗ trợ 100% tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy hoạch chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành biểu giá đất chi tiết riêng cho các khu, cụm công nghiệp thuộc quy hoạch trong Bảng giá đất của tỉnh nhằm đảm bảo tính ổn định, phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và sản xuất kinh doanh trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đối với đơn giá thuê đất: Áp dụng mức thấp nhất theo quy định của Chính phủ.

Điều 6. Hỗ trợ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Đối với khu, cụm công nghiệp có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp theo hình thức xã hội hóa: Ngân sách tỉnh bố trí ứng vốn 50% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhưng không quá 10 tỷ đồng/khu công nghiệp và không quá 5 tỷ đồng/cụm công nghiệp; phần còn lại, Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp ứng trước kinh phí tiền thuê đất, sử dụng đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với khu, cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật:

Ngân sách nhà nước cân đối, bố trí vốn để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Trường hợp các khu, cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn thiện hạ tầng và chưa thực hiện xong việc giải phóng mặt bằng, mà nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư và tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì ngân sách tỉnh bố trí ứng 50% chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp, hợp tác xã và không quá 500 triệu đồng/dự án đối với nhà đầu tư là các hộ kinh doanh cá thể; phần còn lại, Chủ đầu tư ứng trước kinh phí tiền thuê đất, sử dụng đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài khu, cụm công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật kết nối trong và ngoài khu, cụm công nghiệp

1. Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí hạ tầng giao thông, hệ thống đường gom và hệ thống thu gom, thoát nước kết nối trong và ngoài khu, cụm công nghiệp hoặc hạ tầng ngoài khu, cụm công nghiệp nhưng có tính chất quan trọng liên quan trực tiếp đến hoạt động của khu, cụm công nghiệp.

Trường hợp nhà đầu tư tự ứng trước kinh phí tiền thuê đất, sử dụng đất để đầu tư, số kinh phí đã đầu tư sẽ được Ngân sách hoàn trả theo kết quả đánh giá hiệu quả thực hiện dự án đầu tư và thẩm định quyết toán công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày nhà đầu tư trình đủ hồ sơ theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các giải pháp để đảm bảo hạ tầng đồng bộ và cung cấp các dịch vụ thiết yếu tới chân hàng rào khu, cụm công nghiệp như: Cấp điện, cấp nước, hạ tầng viễn thông, thông tin liên lạc, thu gom và xử lý chất thải...

Điều 8. Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu, cụm công nghiệp

1. Khu, cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý khu kinh tế tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, phê duyệt danh mục ưu tiên đầu tư trên cơ sở cân đối ngân sách và tính chất cấp bách của từng công trình dự án, phù hợp tình hình thực tế, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp.

2. Khu, cụm công nghiệp do Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo hình thức xã hội hóa đầu tư

a) Hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp, bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, phòng cháy chữa cháy với mức hỗ trợ: 0,5 tỷ đồng/ha, nhưng không quá 20 tỷ đồng/cụm công nghiệp và không quá 30 tỷ đồng/khu công nghiệp;

b) Ưu tiên bố trí vốn, hỗ trợ để đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường, hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu, cụm công nghiệp hoặc hạng mục trạm xử lý nước thải tập trung của dự án kinh doanh hạ tầng khu, cụm công

nghiệp (sau đây gọi là hệ thống xử lý nước thải tập trung), cụ thể: Ưu tiên vay vốn từ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh hoặc từ Quỹ đầu tư phát triển tỉnh để xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với mức vay 70% tổng vốn đầu tư. Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu, cụm công nghiệp, nhưng không quá 03 tỷ đồng đối với cụm công nghiệp và không quá 06 tỷ đồng đối với khu công nghiệp.

3. Khu, cụm công nghiệp đã được ngân sách đầu tư (toàn bộ hoặc một phần) nay chuyển đổi sang hình thức xã hội hóa đầu tư

a) Đối với phần diện tích đã được Nhà nước đầu tư: Nhà nước bàn giao toàn bộ giá trị, diện tích đã đầu tư cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp thực hiện quản lý. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp được thu các khoản phí dịch vụ để sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình; phí xử lý nước thải; phí sử dụng điện chiếu sáng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với phần diện tích, hạng mục chưa được đầu tư: Chủ đầu tư tiến hành đầu tư theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được hưởng các chính sách đối với phần đầu tư hạ tầng còn lại theo quy định tại Khoản 2, Điều này.

Điều 9. Hỗ trợ dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư vào sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp được hỗ trợ 50% giá thuê mặt bằng trong 5 năm đầu kể từ khi đi vào hoạt động, nhưng tối đa không quá 400 triệu đồng/doanh nghiệp.

Kinh phí hỗ trợ được thực hiện thông qua việc bù giá cho Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp đối với khu, cụm được đầu tư theo hình thức xã hội hóa và giảm trừ khi tính tiền thuê mặt bằng đối khu, cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư.

2. Ưu tiên bố trí vốn, hỗ trợ để đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp, cụ thể:

a) Ưu tiên vay vốn từ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh hoặc từ Quỹ đầu tư phát triển tỉnh để xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với mức vay 70% tổng vốn đầu tư;

b) Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư hệ thống xử lý môi trường nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

3. Hỗ trợ phát triển thị trường, quảng bá thông tin

a) Hỗ trợ 100% chi phí quảng cáo về sản phẩm sản xuất từ dự án đầu tư trong khu, cụm công nghiệp trên các phương tiện thông tin của tỉnh (Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh) không quá 3 lần quảng cáo/năm và không quá 3 năm; Ngân sách tỉnh hỗ trợ thông qua các cơ quan truyền thông theo quy định nhưng không quá 30 triệu đồng/dự án/năm;



b) Hỗ trợ miễn phí quảng bá doanh nghiệp, sản phẩm kinh doanh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin của các sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh trong thời hạn tối đa 02 năm;

c) Ưu tiên mở gian hàng trên sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh; được hỗ trợ xây dựng website để quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp.

4. Ưu tiên hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương theo quy định về khuyến công.

5. Ưu tiên vay vốn từ Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Điều 10. Các sản phẩm sản xuất trên địa bàn tỉnh được ưu đãi từ chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ

Các sản phẩm được sản xuất, chế biến từ gỗ MDF, ván ghép thanh trên địa bàn Hà Tĩnh được hưởng ưu đãi như quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ và Thông tư số 29/2018/TT-BTC, ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

CHƯƠNG IV

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHUYẾN CÔNG

Điều 11. Điều kiện để được hưởng chính sách khuyến công

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện được quy định tại Điều 5, Thông tư số 28/2018/TT-BTC, ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Điều 12. Mức chi hoạt động khuyến công địa phương

1. Mức chi chung cho hoạt động khuyến công và các nội dung chi khác không thuộc mục 2 sau đây thì áp dụng theo quy định đối với mức chi cho khuyến công quốc gia quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Mức chi cụ thể

a) Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn lập báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, nhưng không quá 50 triệu đồng/cụm;

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn: Hỗ trợ 30% chi phí xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình; hỗ trợ 30% chi phí triển khai áp dụng

sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở theo các giải pháp đã được xác định trong Báo cáo đánh giá nhanh sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, nhưng không quá 400 triệu đồng/mô hình;

c) Hỗ trợ tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, khu vực, quốc gia: Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, nhưng không quá 200 triệu đồng/lần; chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh không quá 05 triệu đồng/sản phẩm; hỗ trợ 100% chi phí tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/lần;

d) Hỗ trợ 50% chi phí lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp.

Điều 13. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

1. Tiêu chí lựa chọn cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị và phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị tham gia Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải đảm bảo quy định tại Điều 22, Điều 23 của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.

2. Một số nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường nhưng không quá 25 triệu đồng/khóa đào tạo/doanh nghiệp và không quá 01 khóa đào tạo trên năm;

b) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường: Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 25 triệu đồng/đơn vị/hội chợ trong nước và không quá 50 triệu đồng/đơn vị/hội chợ quốc tế; được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước. Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành nhưng không quá 15 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá 01 hợp đồng trên năm.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Bãi bỏ Nghị quyết số 73/2013/NQ-HĐND, ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển cụm công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, bãi bỏ các cơ chế, chính sách của Ủy ban nhân dân tỉnh trái với các quy định tại Nghị quyết này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện




1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Công thương;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin VP HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn